

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 7 - 2017

“ V/v tranh chấp xin ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hành

Bà Lữ Phúc Lệ

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Chí Thêm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Ngày 13 tháng 7 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công Ki vụ án thụ lý số: 209/2017/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2017/QĐXX-ST, ngày 14 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phan Minh K, sinh năm 1987 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp Mỹ Hòa, xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Chị Tạ Kiều O, sinh năm 1986 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp Đầm Cùng, xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16.02.2017 và các lời Ki tại Tòa án, tại phiên tòa nguyên đơn anh Phan Minh K trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị O kết hôn năm 2007 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu

thuần do bất đồng quan điểm, không hợp nhau nên đã sống ly thân được 07 năm. Nay anh yêu cầu ly hôn với chị O.

Về con chung: Anh và chị O có một con chung là Phan Minh Thư, sinh ngày 22.9.2007, hiện đang sống với chị O. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu giao cháu Thư cho chị O tiếp tục nuôi dưỡng và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Anh và chị O không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị O không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các lời Ki tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn chị Tạ Kiều O trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh K kết hôn năm 2007 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau nên đã sống ly thân 07 năm. Nay chị đồng ý ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị và anh K có một con chung là Phan Minh Thư, sinh ngày 22.9.2007, hiện đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị đồng ý tiếp tục nuôi cháu Thư và đồng ý anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị và anh K không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh K không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận định:

[1] *Về hôn nhân:* Anh K và chị O kết hôn năm 2007 nhưng không có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận. Mặc dù anh K và chị O đều đồng ý ly hôn nhưng do anh chị không đăng ký kết hôn nên theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 35/NQ-QH khóa 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ của anh K và chị O là vợ chồng.

[2] *Về con chung*: Anh K và chị O có một con chung là Phan Minh Thư, sinh ngày 22.9.2007, hiện đang sống với chị O. Sau khi ly hôn, anh K và chị O thống nhất giao cháu Thư cho chị O tiếp tục nuôi dưỡng. Tại biên bản làm việc của Tòa án đối với cháu Phan Minh Thư thì cháu Thư có nguyện vọng được sống với chị O. Xét thấy sự thỏa thuận của anh K và chị O là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu Thư và phù hợp quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh K và chị O: Giao cháu Thư cho chị O tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh K và chị O thống nhất việc anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng, xét đây là sự tự nguyện của anh K về việc cấp dưỡng nuôi con, phù hợp quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nên công nhận sự tự nguyện của anh K và chị O về việc anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

[3] *Về tài sản chung*: Anh K và chị O xác định không có nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về nợ chung*: Anh K và chị O thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí*: Buộc anh K phải chịu án phí hôn nhân gia đình là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 09, 51, 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

[1] *Về hôn nhân*: Không công nhận quan hệ giữa anh Phan Minh K và chị Tạ Kiều O là vợ chồng.

[2] *Về con chung*: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh Phan Minh K và chị Tạ Kiều O: Giao cháu Phan Minh Thư, sinh ngày 22.9.2007 cho chị Tạ Kiều O được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên; Anh Phan Minh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phan Minh Thư mỗi tháng là

1.000.000 đồng (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi cháu Thư đủ 18 tuổi.

Trong trường hợp, anh Phan Minh K chậm trả tiền cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Sau khi ly hôn, anh Phan Minh K không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc anh Phan Minh K phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003543 ngày 22/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, anh K đã nộp đủ án phí.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Phan Minh K phải chịu là 300.000 đồng (chưa nộp), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công Ki, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ THỊ TRÚC HẰNG